

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 6 MÔN TOÁN TRƯỜNG MARIE CURIE**NĂM HỌC 2020 – 2021**

Thời gian làm bài: 60 phút

Câu 1: Số thập phân gồm sáu phần trăm, năm phần mười, bảy phần nghìn là:

- A. 0,567 B. 0,657 C. 657 D. 0,756

Câu 2: Số thích hợp viết vào chỗ chấm của 426 giây = ... phút là:

- A. 7,01 B. 70,1 C. 42,6 D. 7,1

Câu 3: Một hình thang có đáy bé là a , đáy lớn là b , chiều cao là h (a, b, h cùng đơn vị đo). Công thức tính diện tích S của hình thang đó là:

A. $S = \frac{(a+b) \times h}{2}$ B. $S = \frac{a \times h}{2} + b$

C. $S = \frac{a+b \times h}{2}$ D. $S = \frac{a \times h}{2}$

Câu 4. Số thích hợp viết vào chỗ chấm của 780g = ... kg là:

- A. 0,078 B. 7,8 C. 7800 D. 0,78

Câu 5. Một xe ô tô cứ chạy quãng đường dài 70km thì tiêu thụ hết 10 lít xăng. Hỏi nếu ô tô đi quãng đường dài 280km thì tiêu thụ hết bao nhiêu lít xăng? (mức tiêu hao xăng trên 1km như nhau)

- A. 400 lít B. 40 lít C. 2,5 lít D. 250 lít

Câu 6. Một đoàn tàu băng qua một cột điện hết 8 giây. Cũng với tốc độ đó, đoàn tàu băng qua một đường hầm dài 260m hết 1 phút. Vận tốc của đoàn tàu đó là:

- A. 5 m/phút B. 50 m/phút C. 18 km/giờ D. 50 m/phút

Câu 7. Một máy bay bay với vận tốc 650 km/giờ. Tính quãng đường máy bay bay được trong 2,4 giờ.

- A. 1560 km B. 1410 km C. 1480 km D. 1620 km

Câu 8. Tìm số tự nhiên x để $\frac{25}{x} = \frac{5}{6}$

- A. $x = 30$ B. $x = 27$ C. 24 D. $x = 18$

Câu 9. Hai vòi nước cùng chảy vào một bể không chứa nước thì sau 6 giờ đầy bể. Nếu vòi thứ nhất chảy trong 2 giờ, vòi thứ hai chảy trong 3 giờ thì được $\frac{2}{5}$ bể. Hỏi vòi thứ nhất chảy một mình trong bao lâu thì đầy bể?

- A. 11 giờ B. 15 giờ C. 12 giờ D. 10 giờ

Câu 10. Mẹ hơn con 36 tuổi, tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con. Tuổi con hiện nay là:

- A. 9 tuổi B. 48 tuổi C. 4 tuổi D. 12 tuổi

Câu 11. Tổng của hai số là 2020. Tìm hai số đó biết rằng giữa chúng có 5 số chẵn liên tiếp.

- A. 1005 và 1015 B. 1007,5 và 1012,5

C. 1007 và 1013

D. 1003,5 và 1016,5

Câu 12. Kết quả của phép tính $12,3 + 24,05 \times 2,5$ là:

A. 73,55

B. 90,875

C. 60,248

D. 72,425

Câu 13. Thể tích của hình lập phương có cạnh bằng 5cm là:

A. 73,55

B. 90,875

C. 60,248

D. 72,425

Câu 14. Chị chia đào cho các em, nếu chia cho mỗi em 3 quả thì thừa 2 quả, nếu chia cho mỗi em 4 quả thì thiếu 2 quả. Hỏi có tất cả bao nhiêu quả đào?

A. 4

B. 14

C. 38

D. 26

Câu 15. Hiệu của hai số là 129, biết rằng nếu lấy số bé cộng với số lớn rồi cộng với tổng hai số thì được kết quả là 2020. Vậy số lớn là:

A. 569,5

B. 440,5

C. 1074,5

D. 945,5

Câu 16. Biết 52% của một số là 507. Vậy 64% của số đó là:

A. 975

B. 624

C. 263,64

D. 168,7296

Câu 17. Phân số nào dưới đây có thể viết thành phân số thập phân:A. $\frac{3}{8}$ B. $\frac{4}{7}$ C. $\frac{5}{9}$ D. $\frac{1}{3}$ **Câu 18.** Kết quả của phép tính $5 : 1000 = \dots$ là:

A. 0,0005

B. 5000

C. 0,005

D. 0,05

Câu 19: Thương của $\frac{2}{5}$ và $\frac{3}{4}$ là:A. $\frac{15}{8}$ B. $\frac{6}{20}$ C. $\frac{8}{15}$ D. $\frac{3}{10}$ **Câu 20.** Để vẽ hình tròn, ta sử dụng dụng cụ:

A. Thước kẻ

B. Ê-ke

C. Com-pa

D. Thước dây

Câu 21. Bốn năm liên tiếp có tất cả bao nhiêu ngày:

A. 366 ngày

B. 1461 ngày

C. 365 ngày

D. 1462 ngày

Câu 22. Lớp 5M có 32 học sinh. Số học sinh nữ bằng $\frac{3}{5}$ số học sinh nam. Số học sinh nam của lớp

5M là:

A. 4 học sinh

B. 32 học sinh

C. 12 học sinh

D. 20 học sinh

Câu 23: Tìm x , biết $x \times 2,5 = 1,3$ A. $x = 52$ B. $x = 5,2$ C. $x = 3,25$ D. $x = 0,52$ **Câu 24.** Phép chia 68,37 cho 8,3 có thương là 8,23. Số dư của phép chia đó là:

A. 6,1

B. 0,061

C. 0,61

D. 0,0061

Câu 25. Dãy phân số nào dưới được viết theo thứ tự tăng dần:

A. $\frac{2}{3}; \frac{7}{12}; \frac{3}{4}; \frac{5}{6}$

B. $\frac{5}{6}; \frac{3}{4}; \frac{2}{3}; \frac{7}{12}$

C. $\frac{7}{12}; \frac{2}{3}; \frac{3}{4}; \frac{5}{6}$

D. $\frac{7}{12}; \frac{3}{4}; \frac{2}{3}; \frac{5}{6}$

Câu 26. Một xe tải chỉ có thể chở được 300 bao gạo, mỗi bao 50kg. Nếu chất lên xe tải đó loại gạo 75kg thì xe chở được nhiều nhất bao nhiêu bao gạo:

A. 60

B. 200

C. 450

D. 40

Câu 27. Số lớn nhất trong các số 4,74; 7,04; 7,4; 7,47 là:

A. 4,74

B. 7,04

C. 7,47

D. 7,4

Câu 28. Phát biểu nào dưới đây sai:

A. Hình thoi có bốn cạnh bằng nhau

B. Hình thoi có bốn góc vuông và bốn đường chéo

C. Hình thoi có hai đường chéo vuông góc với nhau, cắt nhau tại trung điểm mỗi đường

D. Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau

Câu 29. Giá trị của biểu thức $\frac{1}{2} + \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \frac{1}{30} + \frac{1}{42} + \frac{1}{56}$ là:

A. $\frac{7}{178}$

B. $\frac{9}{8}$

C. $\frac{7}{8}$

D. $\frac{3}{8}$

Câu 30. Hỗn số $17\frac{5}{9}$ chuyển thành phân số nào dưới đây?

A. $\frac{175}{9}$

B. $\frac{159}{9}$

C. $\frac{158}{9}$

D. $\frac{153}{9}$

Câu 31. Một hình lập phương có diện tích xung quanh là 676cm^2 . Diện tích toàn phần của hình lập phương đó là:

A. 1014cm^2

B. 169cm^2

C. 156cm^2

D. 78cm^2

Câu 32. Số thích hợp viết vào chỗ chấm của $8,3\text{ha} = \dots \text{m}^2$ là:

A. 8300

B. 830

C. 80300

D. 83000

Câu 33. Đường kính của hình tròn có chu vi 204,1 cm là:

A. 65cm

B. 32,5cm

C. 130cm

D. 6,5cm

Câu 34. Số hai mươi một triệu không trăm tám mươi tư nghìn năm trăm linh hai viết là:

A. 21 084 520

B. 210 845 002

C. 21 084 502

D. 2 184 502

Câu 35. $\frac{2}{5}$ bằng:

- A. 25% B. 60% C. 0,4% D. 40%

Câu 36. Giá hoa tháng 5 tăng 10% so với giá hoa tháng 4. Giá hoa tháng 6 tăng 10% so với giá hoa tháng 5. Hỏi giá hoa tháng 6 tăng bao nhiêu phần trăm so với giá hoa tháng 4:

- A. 20% B. 21% C. 120% D. 10%

Câu 37. Số thích hợp viết vào chỗ chấm của $3\text{dm } 9\text{mm} = \dots \text{dm}$ là:

- A. 3,9 B. 3,09 C. 0,039 D. 309

Câu 38. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi là 126m, chiều dài hơn chiều rộng 13m. Vụ mùa vừa qua, cứ 100m^2 thửa ruộng cho thu hoạch 70kg thóc. Hỏi cả thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc:

- A. 66500 tạ B. 66,5 tạ C. 6,65 tạ D. 665 tạ

Câu 39. Giá tiền của một chiếc bút chì là 4000 đồng. Nếu giảm $\frac{1}{10}$ giá bán thì phải trả bao nhiêu tiền để mua chiếc bút chì đó:

- A. 3600 đồng B. 40000 đồng C. 4400 đồng D. 400 đồng

Câu 40. Số đo thích hợp viết vào chỗ chấm của $\frac{1}{10} \text{ m}^3 = \dots$ là:

- A. 10 000 cm^3 B. 100 000 cm^3 C. 10 dm^3 D. 1 000 000 cm^3

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: Số thập phân gồm sáu phần trăm, năm phần mười, bảy phần nghìn là:

- A. 0,567 B. 0,657 C. 657 D. 0,756

Cách giải

Số thập phân gồm sáu phần trăm, năm phần mười, bảy phần nghìn là **0,567**.

Chọn **A**

Câu 2: Số thích hợp viết vào chỗ chấm của $426 \text{ giây} = \dots \text{ phút}$ là:

- A. 7,01 B. 70,1 C. 42,6 D. 7,1

Cách giải

Ta có $426 : 60 = 7,1$

$426 \text{ giây} = 7,1 \text{ phút}$

Chọn **D**

Câu 3: Một hình thang có đáy bé là a , đáy lớn là b , chiều cao là h (a, b, h cùng đơn vị đo). Công thức tính diện tích S của hình thang đó là:

- A. $S = \frac{(a+b) \times h}{2}$ B. $S = \frac{a \times h}{2} + b$

C. $S = \frac{a+b \times h}{2}$

D. $S = \frac{a \times h}{2}$

Cách giải

Công thức tính diện tích S của hình thang đó là $S = \frac{(a+b) \times h}{2}$

Chọn A

Câu 4. Số thích hợp viết vào chỗ chấm của $780\text{g} = \dots \text{kg}$ là:

A. 0,078

B. 7,8

C. 7800

D. 0,78

Cách giải

$780\text{g} = \mathbf{0,78} \text{ kg}$

Chọn D

Câu 5. Một xe ô tô cứ chạy quãng đường dài 70km thì tiêu thụ hết 10 lít xăng. Hỏi nếu ô tô đi quãng đường dài 280km thì tiêu thụ hết bao nhiêu lít xăng? (mức tiêu hao xăng trên 1km như nhau)

A. 400 lít

B. 40 lít

C. 2,5 lít

D. 250 lít

Cách giải

1 lít xăng đi được số km là $70 : 10 = 7 \text{ (km)}$

Nếu ô tô đi quãng đường dài 280km thì tiêu thụ hết số lít xăng là

$$280 : 7 = 40 \text{ (lít)}$$

Đáp số: 40 lít

Chọn B

Câu 6. Một đoàn tàu băng qua một cột điện hết 8 giây. Cũng với tốc độ đó, đoàn tàu băng qua một đường hầm dài 260m hết 1 phút. Vận tốc của đoàn tàu đó là:

A. 5 m/phút

B. 50 m/phút

C. 18 km/giờ

D. 50 m/phút

Cách giải

Đổi 1 phút = 60 giây

Đoàn tàu đi qua đường hầm hết số giây là

$$60 - 8 = 52 \text{ (giây)}$$

Vận tốc đoàn tàu là $260 : 52 = 5 \text{ (m/giây)}$

Đổi 5 m/giây = 18km/giờ

Chọn C

Câu 7. Một máy bay bay với vận tốc 650 km/giờ. Tính quãng đường máy bay bay được trong 2,4 giờ.

A. 1560 km

B. 1410 km

C. 1480 km

D. 1620 km

Cách giải

Quãng đường máy bay bay được trong 2,4 giờ là

$$650 \times 2,4 = 1\,560 \text{ (km)}$$

Đáp số: 1 560 km

Chọn A

Câu 8. Tìm số tự nhiên x để $\frac{25}{x} = \frac{5}{6}$

A. $x=30$

B. $x=27$

C. $x=24$

D. $x=18$

Cách giải

$$\frac{25}{x} = \frac{5}{6} = \frac{25}{30}$$

Chọn A

Câu 9. Hai vòi nước cùng chảy vào một bể không chứa nước thì sau 6 giờ đầy bể. Nếu vòi thứ nhất chảy trong 2 giờ, vòi thứ hai chảy trong 3 giờ thì được $\frac{2}{5}$ bể. Hỏi vòi thứ nhất chảy một mình trong bao lâu thì đầy bể?

A. 11 giờ

B. 15 giờ

C. 12 giờ

D. 10 giờ

Cách giải

1 giờ cả hai vòi chảy được $1 : 6 = \frac{1}{6}$ (bể)

Ta có: vòi thứ nhất chảy trong 2 giờ, vòi thứ hai chảy trong 3 giờ thì được $\frac{2}{5}$ bể

Coi vòi thứ nhất và vòi thứ hai cùng chảy trong 2 giờ sau đó vòi thứ hai chảy thêm 1 giờ nữa thì được $\frac{2}{5}$ bể

Trong 1 giờ vòi thứ hai chảy được $\frac{2}{5} - 2 \times \frac{1}{6} = \frac{1}{15}$ (bể)

Trong 1 giờ vòi thứ nhất chảy được $\frac{1}{6} - \frac{1}{15} = \frac{1}{10}$ (bể)

Vòi thứ nhất chảy một mình trong số giờ thì đầy bể là $1 : \frac{1}{10} = 10$ (giờ)

Chọn D

Câu 10. Mẹ hơn con 36 tuổi, tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con. Tuổi con hiện nay là:

A. 9 tuổi

B. 48 tuổi

C. 4 tuổi

D. 12 tuổi

Cách giải

Tuổi con hiện nay là $36 : (4 - 1) = 12$ (tuổi)

Chọn D

Câu 11. Tổng của hai số là 2020. Tìm hai số đó biết rằng giữa chúng có 5 số chẵn liên tiếp.

- A. 1005 và 1015
 B. 1007,5 và 1012,5
 C. 1007 và 1013
 D. 1003,5 và 1016,5

Cách giải

Ta có giữa 2 số có 5 số chẵn liên tiếp nên hiệu hai số là 10 hoặc 12

Trường hợp hiệu hai số là 10:

$$\text{Số lớn là } (2020 + 10) : 2 = 1015$$

$$\text{Số bé là } 1015 - 10 = 1005$$

Chọn A

Câu 12. Kết quả của phép tính $12,3 + 24,05 \times 2,5$ là:

- A. 73,55 B. 90,875 C. 60,248 D. 72,425

Cách giải

$$12,3 + 24,05 \times 2,5 = 12,3 + 60,125 = 72,425$$

Chọn D

Câu 13. Thể tích của hình lập phương có cạnh bằng 5cm là:

- A. 125cm^2 B. 150cm^3 C. 25cm^3 D. 125cm^3

Cách giải

Thể tích của hình lập phương có cạnh bằng 5cm là

$$5 \times 5 \times 5 = 125 (\text{cm}^3)$$

$$\text{Đáp số: } 125 \text{ cm}^3$$

Chọn D

Câu 14. Chị chia đào cho các em, nếu chia cho mỗi em 3 quả thì thừa 2 quả, nếu chia cho mỗi em 4 quả thì thiếu 2 quả. Hỏi có tất cả bao nhiêu quả đào?

- A. 4 B. 14 C. 38 D. 26

Cách giải

Có tất cả 14 quả đào.

Chọn B

Câu 15. Hiệu của hai số là 129, biết rằng nếu lấy số bé cộng với số lớn rồi cộng với tổng hai số thì được kết quả là 2020. Vậy số lớn là:

- A. 569,5 B. 440,5 C. 1074,5 D. 945,5

Cách giải

$$\text{Số bé} + \text{số lớn} + \text{tổng hai số} = 2020$$

$$2 \times \text{tổng hai số} = 2020$$

$$\text{Tổng hai số là } 2020 : 2 = 1010$$

Số lớn là $(1010 + 129) : 2 = 569,5$

Chọn **A**

Câu 16. Biết 52% của một số là 507. Vậy 64% của số đó là:

- A. 975 B. 624 C. 263,64 D. 168,7296

Cách giải

Số đó là $507 : 52 \times 100 = 975$

64% của số đó là $975 \times 64 : 100 = 624$

Chọn **B**

Câu 17. Phân số nào dưới đây có thể viết thành phân số thập phân:

- A. $\frac{3}{8}$ B. $\frac{4}{7}$ C. $\frac{5}{9}$ D. $\frac{1}{3}$

Cách giải

Ta có $\frac{3}{8} = \frac{375}{1000}$

Chọn **A**

Câu 18. Kết quả của phép tính $5 : 1000 = \dots$ là:

- A. 0,0005 B. 5000 C. 0,005 D. 0,05

Cách giải

$5 : 1000 = 0,005$

Chọn **C**

Câu 19: Thương của $\frac{2}{5}$ và $\frac{3}{4}$ là:

- A. $\frac{15}{8}$ B. $\frac{6}{20}$ C. $\frac{8}{15}$ D. $\frac{3}{10}$

Cách giải

$\frac{2}{5} : \frac{3}{4} = \frac{2}{5} \times \frac{4}{3} = \frac{8}{15}$

Chọn **C**

Câu 20. Để vẽ hình tròn, ta sử dụng dụng cụ:

- A. Thước kẻ B. Ê-ke C. Com-pa D. Thước dây

Cách giải

Để vẽ hình tròn, ta sử dụng dụng cụ com-pa

Chọn **C**

Câu 21. Bốn năm liên tiếp có tất cả bao nhiêu ngày:

- A. 366 ngày B. 1461 ngày C. 365 ngày D. 1462 ngày

Cách giải

Bốn năm liên tiếp có 1 năm là năm nhuận.

Bốn năm liên tiếp có tất cả số ngày là $365 \times 3 + 366 = 1461$ (ngày)

Chọn **B**

Câu 22. Lớp 5M có 32 học sinh. Số học sinh nữ bằng $\frac{3}{5}$ số học sinh nam. Số học sinh nam của lớp

5M là:

A. 4 học sinh

B. 32 học sinh

C. 12 học sinh

D. 20 học sinh

Cách giải

Số học sinh nữ bằng $\frac{3}{5}$ số học sinh nam nên số học sinh nữ bằng $\frac{3}{8}$ số học sinh cả lớp.

\Rightarrow số học sinh nam bằng $\frac{5}{8}$ số học sinh cả lớp

Số học sinh nam của lớp 5M là $32 \times \frac{5}{8} = 20$ (học sinh)

Chọn **D**

Câu 23: Tìm x , biết $x \times 2,5 = 1,3$

A. $x = 52$

B. $x = 5,2$

C. $x = 3,25$

D. $x = 0,52$

Cách giải

$$x \times 2,5 = 1,3$$

$$x = 1,3 : 2,5$$

$$x = 0,52$$

Chọn **D**

Câu 24. Phép chia 68,37 cho 8,3 có thương là 8,23. Số dư của phép chia đó là:

A. 6,1

B. 0,061

C. 0,61

D. 0,0061

Cách giải

Số dư của phép chia đó là $68,37 - 8,3 \times 8,23 = 0,061$

Chọn **B**

Câu 25. Dãy phân số nào dưới được viết theo thứ tự tăng dần:

A. $\frac{2}{3}; \frac{7}{12}; \frac{3}{4}; \frac{5}{6}$

B. $\frac{5}{6}; \frac{3}{4}; \frac{2}{3}; \frac{7}{12}$

C. $\frac{7}{12}; \frac{2}{3}; \frac{3}{4}; \frac{5}{6}$

D. $\frac{7}{12}; \frac{3}{4}; \frac{2}{3}; \frac{5}{6}$

Cách giải

$$\frac{2}{3} = \frac{8}{12} ; \frac{3}{4} = \frac{9}{12} ; \frac{5}{6} = \frac{10}{12}$$

Ta có $\frac{7}{12} < \frac{8}{12} < \frac{9}{12} < \frac{10}{12}$

Vậy thứ tự tăng dần là $\frac{7}{12}; \frac{2}{3}; \frac{3}{4}; \frac{5}{6}$

Chọn **C****Câu 26.** Một xe tải chỉ có thể chở được 300 bao gạo, mỗi bao 50kg. Nếu chất lên xe tải đó loại gạo 75kg thì xe chở được nhiều nhất bao nhiêu bao gạo:

- A. 60 B. 200 C. 450 D. 40

Cách giảiXe chở được nhiều nhất số bao gạo là $300 \times 50 : 75 = 200$ (bao)Chọn **B****Câu 27.** Số lớn nhất trong các số 4,74; 7,04; 7,4; 7,47 là:

- A. 4,74 B. 7,04 C. 7,47 D. 7,4

Cách giải

Số lớn nhất trong các số đã cho là 7,47

Chọn **C****Câu 28.** Phát biểu nào dưới đây sai:

- A. Hình thoi có bốn cạnh bằng nhau
- B. Hình thoi có bốn góc vuông và bốn đường chéo
- C. Hình thoi có hai đường chéo vuông góc với nhau, cắt nhau tại trung điểm mỗi đường
- D. Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau

Cách giải

Phát biểu sai là: Hình thoi có bốn góc vuông và bốn đường chéo

Chọn **B****Câu 29.** Giá trị của biểu thức $\frac{1}{2} + \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \frac{1}{30} + \frac{1}{42} + \frac{1}{56}$ là:

- A.
- $\frac{7}{178}$
- B.
- $\frac{9}{8}$
- C.
- $\frac{7}{8}$
- D.
- $\frac{3}{8}$

Cách giải

$$\begin{aligned} & \frac{1}{2} + \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \frac{1}{30} + \frac{1}{42} + \frac{1}{56} \\ &= \frac{1}{1 \times 2} + \frac{1}{2 \times 3} + \frac{1}{3 \times 4} + \frac{1}{4 \times 5} + \frac{1}{5 \times 6} + \frac{1}{6 \times 7} + \frac{1}{7 \times 8} \\ &= 1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{6} + \frac{1}{6} - \frac{1}{7} + \frac{1}{7} - \frac{1}{8} \\ &= 1 - \frac{1}{8} = \frac{7}{8} \end{aligned}$$

Chọn C

Câu 30. Hỗn số $17\frac{5}{9}$ chuyển thành phân số nào dưới đây?

- A. $\frac{175}{9}$ B. $\frac{159}{9}$ C. $\frac{158}{9}$ D. $\frac{153}{9}$

Cách giải

Ta có $17\frac{5}{9} = \frac{17 \times 9 + 5}{9} = \frac{158}{9}$

Chọn C

Câu 31. Một hình lập phương có diện tích xung quanh là 676cm^2 . Diện tích toàn phần của hình lập phương đó là:

- A. 1014cm^2 B. 169cm^2 C. 156cm^2 D. 78cm^2

Cách giảiDiện tích một mặt của hình lập phương là $676 : 4 = 169 (\text{cm}^2)$ Diện tích toàn phần của hình lập phương đó là $169 \times 6 = 1014 (\text{cm}^2)$

Chọn A

Câu 32. Số thích hợp viết vào chỗ chấm của $8,3\text{ha} = \dots \text{m}^2$ là:

- A. 8300 B. 830 C. 80300 D. 83000

Cách giải

$$8,3\text{ha} = 83\,000 \text{ m}^2$$

Chọn D

Câu 33. Đường kính của hình tròn có chu vi 204,1 cm là:

- A. 65cm B. 32,5cm C. 130cm D. 6,5cm

Cách giải

Đường kính của hình tròn có chu vi 204,1 cm là

$$204,1 : 3,14 = 65 (\text{cm})$$

Đáp số: 65 cm

Chọn A

Câu 34. Số hai mươi một triệu không trăm tám mươi tư nghìn năm trăm linh hai viết là:

- A. 21 084 520 B. 210 845 002 C. 21 084 502 D. 2 184 502

Cách giải

Số hai mươi một triệu không trăm tám mươi tư nghìn năm trăm linh hai viết là **21 084 502**

Chọn C

Câu 35. $\frac{2}{5}$ bằng:

- A. 25% B. 60% C. 0,4% D. 40%

Cách giải

$$\frac{2}{5} = 0,4 = 40\%$$

Chọn D

Câu 36. Giá hoa tháng 5 tăng 10% so với giá hoa tháng 4. Giá hoa tháng 6 tăng 10% so với giá hoa tháng 5. Hỏi giá hoa tháng 6 tăng bao nhiêu phần trăm so với giá hoa tháng 4:

- A. 20% B. 21% C. 120% D. 10%

Cách giải

Coi giá hoa tháng 4 là 100%

Giá hoa tháng 5 là 110%

Giá hoa tháng 6 là $110\% \times 110\% = 121\%$

Vậy so với tháng 4 giá hoa tăng 21%

Chọn B

Câu 37. Số thích hợp viết vào chỗ chấm của $3\text{dm } 9\text{mm} = \dots \text{dm}$ là:

- A. 3,9 B. 3,09 C. 0,039 D. 309

Cách giải

$$3\text{dm } 9\text{mm} = \mathbf{3,09} \text{ dm}$$

Chọn B

Câu 38. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi là 126m, chiều dài hơn chiều rộng 13m. Vụ mùa vừa qua, cứ 100m^2 thửa ruộng cho thu hoạch 70kg thóc. Hỏi cả thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc:

- A. 66500 tạ B. 66,5 tạ C. 6,65 tạ D. 665 tạ

Cách giải

$$\text{Nửa chu vi thửa ruộng là } 126 : 2 = 63 \text{ (m)}$$

Chiều dài thửa ruộng là $(63 + 13) : 2 = 38$ (m)

Chiều rộng thửa ruộng là $63 - 38 = 25$ (m)

Diện tích thửa ruộng là $38 \times 25 = 950$ (m²)

Cả thửa ruộng thu được số tạ thóc là

$(950 : 100) \times 70 = 665$ kg = 6,65 tạ

Đáp số: 6,65 tạ

Chọn **C**

Câu 39. Giá tiền của một chiếc bút chì là 4000 đồng. Nếu giảm $\frac{1}{10}$ giá bán thì phải trả bao nhiêu

tiền để mua chiếc bút chì đó:

A. 3600 đồng B. 40000 đồng C. 4400 đồng D. 400 đồng

Cách giải

Giá tiền để mua chiếc bút chì sau khi giảm là

$$4000 \times \left(1 - \frac{1}{10}\right) = 3600 \text{ (đồng)}$$

Chọn **A**

Câu 40. Số đo thích hợp viết vào chỗ chấm của $\frac{1}{10}$ m³ = ... là:

A. 10 000 cm³ B. 100 000 cm³ C. 10 dm³ D. 1 000 000 cm³

Cách giải

$$\frac{1}{10} \text{ m}^3 = \frac{1}{10} \times 1000000 \text{ cm}^3 = 100 000 \text{ cm}^3$$

Chọn **B**